TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2022/HS-ST
Ngày 22/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chung

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N đã mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý 91/2022/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86A/2022/QĐXXST 22/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/HSST-QĐ ngày 05/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Đình Q, sinh năm 1998. Nơi sinh: N, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; Q tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Đình D sinh năm 1975; con bà Hồ Thị Thanh L, sinh năm 1978; Tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 bị Ủy ban nhân dân xã N áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (chấp hành xong ngày 30/12/2021); Quyết định số 18/QĐ-XPHC ngày 19/8/2021 bị công bị công an xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2022 đến ngày 01/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo là đảng viên tại Đảng ủy xã Ninh Xuân. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Huỳnh G – Sinh năm: 1998. Nơi sinh: N, Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh K. nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q (sinh năm 1971) và bà Huỳnh Thị Thanh B (sinh năm 1975). Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định số 01/QĐ-TA ngày 22/01/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc (chấp hành xong ngày 31/12/2018); Quyết định số 605/QĐ-XPHC ngày 25/7/2017 bị công an thị xã N xử phạt số tiền 750.000đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2022 đến ngày 01/7/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo bị giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

***** Bị hại: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã N, tỉnh K Vắng mặt

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 21/6/2022 Nguyễn Huỳnh G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 739.54 chở Phạm Đình Q đi trên đường Sông Cạn thuộc tổ dân phố 17, phường Ninh Hiệp, thị xã N thì thấy bà Dương Thị Q đang cầm điện thoại di động hiệu samsung A03S ngồi hát karaoke trước sân nhà, Q rủ G giật điện thoại của bà Q thì G đồng ý, G nổ máy đứng ngoài đường đợi sẵn, Q xuống xe đi bộ đến dùng tay giật điện thoại của bà Q rồi bỏ chạy lên xe mô tô của G chở đi tẩu thoát. Sau đó, G thỏa thuận với Q và đưa cho Q 1.000.000đồng rồi giữ điện thoại vừa cướp giật được sử dụng. Đối với bà Dương Thị Q, sau khi phát hiện bị giật tài sản, bà Q truy hô và đuổi theo nhưng không được.

Qua truy xét, ngày 22/6/2022 Công an phường Ninh Hiệp, thị xã N đưa G về trụ sở làm việc, tạm giữ điện thoại di động hiệu samsung A03S và xe mô tô biển kiểm soát 79H1 739.54. Tại cơ quan điều tra, G và Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 66/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã N kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A03S có giá trị 3.441.667đồng.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố các bị cáo Phạm Đình Q, Nguyễn Huỳnh G về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai nhận của các bị cáo Phạm Đình Q, Nguyễn Huỳnh G tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm vấn công khai và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Đình Q. Xử phạt bị cáo Phạm Đình Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh G. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh G từ 02 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung A03S đã trả lại cho bị hại bà Dương Thị Q, 01 (một) xe máy 79H1 739.54 số máy G3D4E817166, số khung 1010JY051731 đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quý nên không xem xét giải quyết, tuyên quyền kháng cáo, án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Đình Q, Nguyễn Huỳnh G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về để làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên tòa bị hại bà Dương Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Đình Q và Nguyễn Huỳnh G đã khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 21/6/2022 tại tổ dân phố 17, phường Ninh Hiệp, thị xã N, Phạm Đình Q và Nguyễn Huỳnh G đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động điện thoại di động hiệu samsung A03S trị giá 3.441.667đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) của bà Dương Thị Q rồi nhanh chóng tẩu thoát.

[3.2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản kiểm tra nội dung dữ liệu điện tử, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều trong độ tuổi lao

động, có sức khỏe nhưng không lo làm ăn lương thiện mà lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện bản tính lười biếng, tư lợi và xem thường pháp luật. Hơn nữa, các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo G đã bị áp dụng biện pháp giáo dục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo Q bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đi cùng với nhau, khi thấy bị hại sơ hở, bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp lấy tài sản của bị hại, còn bị cáo G giúp sức tích cực khi đứng ngoài chờ để chở bị cáo Q bỏ chạy sau khi chiếm đoạt được tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Q mức án cao hơn bị cáo G để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3.4] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội hội đồng xét xử thấy nên cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Phạm Đình Q phải nộp số tiền 1.000.000đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung A03S đã trả lại cho bị hại bà Dương Thị Q, 01 (một) xe máy 79H1 739.54 số máy G3D4E817166, số khung 1010JY051731 đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quý nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt :

+ Căn cứ khoản 1 Điều 171, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đình Q. Xử phạt bị cáo Phạm Đình Q 03 (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giữ ngày 22/6/2022 đến ngày 01/7/2022.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 171, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh G. Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị tạm giữ ngày 22/6/2022 đến ngày 01/7/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt nhưng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3 Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Phạm Đình Q phải nộp số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

4 Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu samsung A03S đã trả lại cho bị hại bà Dương Thị Q, 01 (một) xe máy 79H1 739.54 số máy G3D4E817166, số khung 1010JY051731 đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quý nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí HS/ST.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND tỉnh Khánh Hòa ;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy